

**TOÀ PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 12/2026/DS - PT

Ngày: 06-3-2026

V/v: “*Tranh chấp về thừa kế
tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Đinh Phước Hoà

Các Thẩm phán:

Ông Đặng Kim Nhân

Bà Trần Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: ông **Nguyễn Thành An**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Trần Việt Tuấn**, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 108/2025/TLPT-DS ngày 10 tháng 03 năm 2025 về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2024/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 254/2026/QĐ-PT ngày 15 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ G, khối T, phường H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Bùi Thị Thùy D, sinh năm 2000, địa chỉ: Thôn T, phường H, thành phố Đà Nẵng; xin xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Trần Thị Bích D1, Công ty L1 và Cộng sự. Địa chỉ: A L, phường H, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

- Bị đơn: Bà Phan Thị X, sinh năm 1951, địa chỉ: Tổ D, khối T, phường H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Tà T, sinh năm 1983; Địa chỉ: Tổ B, khối T, phường H, thành phố Đà Nẵng. **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:** Luật sư Hoàng Đỗ Thanh N, Văn phòng Luật sư Đồng Thông thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ; ông T, ông N có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Văn phòng C2.

Địa chỉ: A N, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H1, chức vụ: Trưởng văn phòng. Vắng mặt

2. Ông Phan T1, sinh năm 1950.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Văn B, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Tổ E, khối T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt

3. Bà Phan Thị D2, sinh năm 1965, địa chỉ: Tổ A, khối T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt

4. Bà Phan Thị D2, sinh năm 1965, địa chỉ: Tổ C, khối X, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt

5. Bà Trương Thị T2, sinh năm 1947, địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

6. Bà Phan Thị S, sinh năm 1980, địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

7. Bà Phan Thị C, sinh năm 1968, địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

8. Bà Phan Thị T3, sinh năm 1986, địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

9. Bà Phan Thị Huyền L, sinh năm 1976, địa chỉ: Tổ D, khối T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt

10. Ông Nguyễn Đức H2, sinh năm 1979, địa chỉ: Tổ G, khối T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt

11. Ông Nguyễn Đức H3, sinh năm 1980, địa chỉ: Tổ G, khối T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt

12. Bà Tăng Thị Kim P, sinh năm 1977, địa chỉ: 9 N, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

13. Ông Stephen Brian M, sinh năm 1964, địa chỉ: Số A, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông S1 và bà P: Luật sư Nguyễn Mạnh C1 - Công ty L2 Luật sư thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. Vắng mặt

14. Ông Phan Văn B, sinh năm 1976, địa chỉ: Tổ E, khối T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt

15. Bà Huỳnh Thị Kim A, sinh năm 1979, địa chỉ: Tổ E, khối T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt

16. Ông Nguyễn A1, sinh năm 1960, địa chỉ: Khôi T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt

Người kháng cáo: nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn trình bày:

Ông Phan D3 (chết năm 2002) và bà Huỳnh Thị N1 (chết năm 1993). Ông D3 và bà N1 có 05 người con, gồm: ông Phan M1 (chết năm 1967, người thừa kế hợp pháp là bà Phan Thị D2 chị và bà Phan Thị D2 em); ông Phan T4 (chết năm 2008, người thừa kế hợp pháp là Trương Thị T2, Phan Thị C, Phan Thị S, Phan Thị T3 và Phan Thị Huyền L); bà Phan Thị Ngọc Á tên gọi khác là Phan Thị X1 (chết năm 2006, người thừa kế hợp pháp là Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Đức H2 và Nguyễn Đức H3); ông Phan T1 và Phan Thị X. Khi còn sống ông D3 và bà N1 có tạo lập được thửa đất số 878, tờ bản đồ số 4 tại khối T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam với diện tích 872,3m² đã được Ủy ban nhân dân thị xã H (nay là thành phố H) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0110783 ngày 20/01/1995. Ông D3 và bà N1 chết không để lại di chúc. Năm 2016, các đồng thừa kế đã làm thủ tục phân chia di sản thừa kế nhưng không thông qua ý kiến của bà H. Do đó bà H khởi kiện yêu cầu:

- Yêu cầu tuyên bố “Văn bản phân chia tài sản thừa kế” số công chứng 00106 quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/01/2016 do Văn phòng C2 công chứng là vô hiệu một phần: vô hiệu đối với phần di sản mà bà H được thừa kế theo pháp luật.

- Buộc bà Phan Thị X thôi trả cho bà Nguyễn Thị Thanh H 1/15 (một phần mười lăm) giá trị phần di sản theo quy định của pháp luật trong khối di sản của ông Phan D3 và bà Huỳnh Thị N1 để lại là thửa đất số 878, tờ bản đồ số 4, diện tích 872,3 m², tại khối T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số E 0110783 ngày 20/01/1995. Giá trị của phần di sản yêu cầu được chia theo kết quả định giá là: (17.000.000 đồng/m² x 872,3 m²): 15 = 988.606.000 đồng. Do thửa đất là di sản đã được chuyển nhượng cho bà P, bà D2, ông B nên bà H yêu cầu được nhận bằng giá trị. Đồng thời qua đo đạc thì diện tích thửa đất tăng lên nhưng bà H chỉ yêu cầu chia di sản bằng giá trị và chia theo diện tích đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà H không có yêu cầu gì đối với việc tách thửa, đăng ký biến động, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ hộ ông Phan D3 cho bà Phan Thị X chuyển nhượng cho bà P, ông B, bà D2.

Bị đơn là bà Phan Thị X thống nhất với lời trình bày của bà H về hàng thừa kế, thời điểm mở thừa kế như nguyên đơn trình bày: Khi còn sống ông D3 bà N1 và các thành viên trong hộ gia đình có tạo lập được thửa đất số 878, tờ bản đồ số 4 tại khối T, C, H, Quảng Nam với diện tích 872,3 m² đã được Ủy ban nhân dân Thị xã H (nay là thành phố H) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0110783 (vào sổ số 000694) do ngày 20/01/1995. Ông D3 và bà N1 chết không để lại di chúc.

Bị đơn, đại diện hợp pháp của bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì lý do: thửa đất số 878, tờ bản đồ số 4 tại khối T, C, H là di sản của ông D3 và bà N1 để lại trong khối tài sản chung của hộ gia đình nhưng tài sản này đã được các đồng thừa kế, trong đó có bà H tiến hành thỏa thuận thống nhất giao toàn bộ thửa đất trên cho bà X toàn quyền sử dụng, định đoạt (biên bản họp gia đình năm 2012). Vào ngày 11/01/2016 đã tiến hành lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 00106, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C2, theo đó tất cả các đồng thừa kế nêu trên quyết định nhường lại toàn bộ phần tài sản mà họ được hưởng theo quy định của pháp luật cho bà Phan Thị X được trọn quyền sử dụng và định đoạt. Tại buổi ký Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế nêu trên, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh H biết sự việc, đồng ý với nội dung thỏa thuận và hẹn sẽ đến ký sau. Tuy nhiên, không biết vì lý do gì lại thiếu sót chữ ký của bà Nguyễn Thị Thanh H, là lỗi của Văn phòng công chứng không kiểm tra kỹ. Vào khoảng tháng 6/2016, bà X thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất với diện tích 480 m² cho bà Tăng Thị Kim P. Sau đó bà X đã chia cho mỗi đồng thừa kế số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), tổng số 11 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cha mẹ bà X đã nhận số tiền này bao gồm: Phan Thị D2, Phan Thị D2, Trương Thị T2, Phan thị C, Phan Thị S, Phan Thị T3, Phan Thị Huyền L, Nguyễn Đức H2, Nguyễn Đức H3 và bà Nguyễn Thị Thanh H. Riêng ông Phan Trà N2 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), bà Phan Thị Huyền L nhận 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Bà P đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phần đất nhận chuyển nhượng. Bà P sử dụng đất này công khai từ đó đến nay không ai có tranh chấp hay ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ý kiến như sau:

- Bà Phan Thị Huyền L, bà Phan Thị D2 (chị), Phan Thị D2 (em), ông Phan T1, bà Trương Thị T2, ông Nguyễn A1 thống nhất như lời trình bày của bà X, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H.

- Bà Phan Thị T3 và Phan Thị C thống nhất như lời trình bày của bà H và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H.

- Ông Phan Văn B và bà Huỳnh Thị Kim A đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật, nếu trường hợp phải chia di sản thừa kế bằng quyền sử dụng đất thì ông bà đề nghị bồi đắp giá trị của thửa đất lại cho vợ chồng ông bà là 2.300.000.000 đồng.

- Bà Tăng Thị Kim P trình bày bà nhận chuyển nhượng thửa đất 1637, tờ bản đồ số 50, khối T, phường C, TP H từ bà Phan Thị X là hợp pháp vì bà X đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó trong trường hợp này bà nhận chuyển nhượng đất là người thứ ba ngay tình, đề nghị tòa án giải quyết bảo vệ quyền lợi cho người thứ ba ngay tình. Ông Stephen Brian M2 trình bày thửa đất số 1637 vợ ông nhận chuyển nhượng trong thời kỳ hôn nhân, ông có tham gia vào việc chuyển nhượng nhưng do ông là người nước ngoài nên bà P đứng tên các thủ tục mua bán. Ông đề nghị tòa án giải quyết bảo vệ quyền lợi cho vợ chồng ông người thứ ba ngay tình.

- Ông Nguyễn Đức H2, ông Nguyễn Đức H3 thống nhất với lời trình bày của bà Phan Thị Thanh H4 về hàng thừa kế, di sản thừa kế, thời điểm mở thừa kế tuy nhiên các ông mong muốn các bên tự thỏa thuận để đảm bảo tình cảm gia đình. Trường hợp tòa án giải quyết chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật thì phần các ông được nhận các ông đề nghị được nhận bằng tiền.

- Tại Bản trình bày ngày 10/01/2022, Văn phòng C2, đại diện là Trưởng Văn phòng - Công chứng viên Nguyễn Văn H1 có ý kiến: "Tại thời điểm công chứng, những người thừa kế đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật đã thống nhất nhường toàn bộ phần tài sản mà các đồng thừa kế cho bà Phan Thị X được trọn quyền sử dụng và định đoạt và đã ký, điểm chỉ trước mặt Công chứng viên. Riêng bà Trương Thị T2 và Phan Thị S (các đồng thừa kế) đã có Văn bản ủy quyền cho bà Phan Thị T3 thay mặt 02 bà ký tên trên Văn bản phân chia nhường toàn bộ phần tài sản của mình cho bà Phan Thị X. Tuy nhiên, do nhầm lẫn trong quá trình công chứng không kiểm tra lại các văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Vì vậy, việc Công chứng viên ký tên đóng dấu Văn bản phân chia tài sản thừa kế này mà không có mặt bà Nguyễn Thị Thanh H là chưa đúng quy định của Luật công chứng và không đúng với nội dung của phần lời chứng của Công chứng viên trong Văn bản phân chia tài sản thừa kế".

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2024/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:

"Căn cứ các điều 26, 34, 37, 39, 92, 147, 157, 158, 165, 166 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính; các điều 634, 636, 637, 638, 641, 643, 678, 679, 681, 688 Bộ luật Dân sự 1995; Điều 35 Pháp lệnh thừa kế năm 1990; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H về việc: Yêu cầu tuyên bố "Văn bản phân chia tài sản thừa kế" số công chứng 00106 quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/01/2016 do Văn phòng C2 công chứng là vô hiệu một phần và yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Phan D3 và bà Huỳnh Thị N1 để lại là thửa đất số 878 (464), tờ bản đồ số 4 (50), diện tích 872,3 m², tại khối T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số E 0110783, số vào sổ 000694 QSDĐ/95 do Ủy ban nhân dân thị xã H (nay là Ủy ban nhân dân thành phố H), tỉnh Quảng Nam cấp ngày 20/01/1995".

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/9/2024, bà Nguyễn Thị Thanh H kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện, tuyên hủy "Văn bản phân chia tài sản thừa kế" số công chứng 00106 ngày 11/01/2016 vô hiệu một phần, buộc bà Phan Thị X phải thực hiện bồi trả 1/15 giá trị phần di sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, về trình tự, thủ tục giải quyết thì Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh H là không đúng quy định pháp luật vì văn bản phân chia di sản năm 2016 không có hiệu lực pháp luật vì không có chữ ký của bà H. Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bà H sửa bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên đây là phiên tòa được mở lần 2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều đã có ý kiến trình bày trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của những đương sự nêu trên không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những đương sự trên.

[2] Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp:

Cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất nguồn gốc thửa đất số 878, tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại khối T, C, H, Quảng Nam, có diện tích 872,3m² đã được UBND thị xã H (nay là thành phố H) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E0110783 ngày 20/01/1995 là của vợ chồng cụ Phan D3, bà Huỳnh Thị N1.

Cụ Phan D3 chết năm 2002, cụ Huỳnh Thị N1 chết năm 1993. Hai cụ không có di chúc.

[3] Ngày 03/4/2003, các con của cụ D3, N1 gồm Phan T4, Phan T1, Phan Thị X, Phan Thị Ánh N3 cùng nhau lập “*Biên bản phân chia thừa kế sử dụng đất*”, với nội dung “*Cha chúng tôi là Phan D3 chủ hộ đăng ký sử dụng đất thổ cư số thửa 878, diện tích 940m², tờ bản đồ số 4 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 002694 ngày 20.01 năm 1995 của UBND thị xã H. Gia đình chúng tôi thống nhất phân chia quyền sử dụng đất của hộ gia đình chúng tôi cho con gái là: Phan Thị X được thừa kế quyền sử dụng đất thổ cư mà cha chúng tôi trước đây đăng ký quyền sử dụng đất. Kể từ nay con gái Phan Thị X được quyền sử dụng. Vậy gia đình chúng tôi lập biên bản này nhờ các cấp chính quyền giải quyết việc thừa kế quyền sử dụng đất của hộ gia đình chúng tôi... Chúng tôi cam kết không tranh chấp, khiếu nại phân chia thừa kế quyền sử dụng đất của gia đình...*”. (b1 405)

Biên bản này có xác nhận của UBND phường C “*Ông Phan D3 là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất thổ cư số thửa 878. Diện tích 769m², nay ông đã chết. Gia đình ông có tất cả 04 người con gồm 02 con trai và 2 con gái. Tất cả những người con của ông đã ký tên vào trong biên bản phân chia thừa kế này là đúng*”. (b1 406)

Quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm thì bà H không yêu cầu giám định chữ ký của bà Ánh N3 (mẹ của bà H), tại phúc thẩm bà H có yêu cầu giám định nhưng không thể cung cấp được đủ chữ ký của bà Ánh N3 để tiến hành giám

định chữ ký nên tại Kết luận giám định số 81/KL-KTHS ngày 28/01/2026, Phân viện khoa học hình sự Bộ C3 không đủ cơ sở kết luận chữ ký trong biên bản ngày 03/4/2003 có đúng của bà Ánh N3 hay không. Tuy nhiên, biên bản này được thu thập từ Ủy ban nhân dân thành phố H, 02 người còn sống là bà X, ông T4 khẳng định có văn bản này nên có cơ sở xác định bà Ánh N3 (mẹ của bà H) đã tặng quyền thừa kế cho bà X và bà H không có quyền lợi liên quan đến thửa đất số 878.

[4] Hơn nữa, ngày 12/3/2012, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông D3, bà N1 đã tiến hành họp gia đình (có bà H tham gia và hai người em ruột của bà H tham gia) để *“giao lại cho bà Phan Thị X có quyền quyết định dùng số đất đó để trùng tu nhà ở và nhà thờ tổ tiên ông bà”*. Tại biên bản cũng xác định *“nay giao quyền sở hữu để bà X có điều kiện làm lại nhà thờ và có nơi để bà X che mưa nắng trong những ngày cuối đời. Đồng thời sử dụng số đất đó phân phát cho con cháu nội cũng như ngoại phân lộc của ông bà để lại, mỗi cháu 50.000.000 đồng”*.

[5] Những người thừa kế của cụ Phan D3, Huỳnh Thị N1 cùng nhau lập *“Văn bản phân chia tài sản thừa kế”*, với nội dung thống nhất nhường toàn bộ phần tài sản mà các đồng thừa kế được hưởng cho bà Phan Thị X. (bl 407)

“Văn bản phân chia tài sản thừa kế” này có tên bà Nguyễn Thị Thanh H nhưng không có chữ ký của bà H.

Theo những người tham gia ký văn bản phân chia tài sản đều thống nhất trình bày là khi bàn bạc phân chia thì bà Nguyễn Thị Thanh H có tham gia và thống nhất, nhưng do buổi sáng ngày ký công chứng bà H bận việc nên không đến phòng Công chứng để ký tên, bà H đã nhận 50.000.000 đồng từ bà Phan Thị X nhưng sau đó đổi ý không đồng ý ký vào văn bản phân chia tài sản.

Văn phòng C2 thừa nhận có sai sót khi không kiểm tra lại các văn bản, tài liệu có trong hồ sơ nên khi thực hiện việc công chứng thì không có mặt của bà H. Tuy nhiên, *“Văn bản phân chia tài sản thừa kế”* cũng đã được Văn phòng C2 tiến hành niêm yết 15 ngày (kể từ ngày 22/12/2015 đến ngày 11/01/2016) tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố H (bà Nguyễn Thị Thanh H cũng sinh sống tại phường C, thành phố H). Sau đó do không có ai khiếu nại thì Văn phòng C2 mới thực hiện việc công chứng vào ngày 11/01/2016. (bl 427)

Như vậy, có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Thanh H biết việc phân chia tài sản thừa kế của vợ chồng cụ Phan D3, Huỳnh Thị N1, đã nhận số tiền được chia là 50.000.000 đồng, không có ý kiến phản đối khi Văn phòng C2 thực hiện việc công chứng, quá trình bà Phan Thị X sử dụng đất, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác thì bà H cũng không phản đối mà đến tháng 9 năm 2021 mới khởi kiện.

[6] Với nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh H là có căn cứ.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Thanh H không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ nào mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh H.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm vì kháng cáo không được chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2024/DS-ST ngày 11/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. xác nhận bà H đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000268 ngày 18/11/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam (nay là Thi hành án dân sự thành phố Đ).

3. Những quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- Viện CT và KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND TP. Đà Nẵng;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Cục THADS TP. Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

Đinh Phước Hòa